

BẢN SAO

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG DỰ ỨNG LỰC PVC - FECON

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	3
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	4 - 5
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	6
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	7
Thuyết minh Báo cáo tài chính	8 - 23

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bê tông Dự ứng lực PVC - FECON trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Bê tông Dự ứng lực PVC - FECON (gọi tắt là "Công ty") được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0604.000018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam cấp lần đầu ngày 03 tháng 9 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 05 tháng 5 năm 2010 với mã doanh nghiệp số 0700252549 về việc thay đổi hình thức hoạt động từ Công ty TNHH sang công ty Cổ phần, danh sách cổ đông sáng lập và tăng vốn điều lệ, đăng ký thay đổi lần 2 ngày 11/01/2012 về việc thay đổi tên Công ty chuyển thành Công ty Cổ phần Bê tông FECON.

Trụ sở chính: Cụm Công nghiệp Thi Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị

Ông Hà Thế Lộng	Chủ tịch
Ông Bùi Tiến Thành	Phó Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 21/7/2011)
Ông Nguyễn Huy Hòa	Phó Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 21/7/2011)
Ông Hà Thế Phương	Ủy viên
Ông Phùng Tiến Trung	Ủy viên
Ông Trịnh Văn Thảo	Ủy viên

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Ban Giám đốc

Ông Hà Thế Phương	Giám đốc
Ông Phạm Trung Thành	Phó Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Giám đốc, ngoại trừ sự kiện trình bày tại Thuyết minh số 6.1 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được kiểm toán bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) - Thành viên Hãng Kiểm toán Moore Stephens International Limited.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nếu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.



GIÁM ĐỐC
Hà Thế Phương

Hà Thế Phương

Giám đốc

Hà Nam, ngày 22 tháng 2 năm 2012

310
CƠ
JP
M
ET
AY

Số. 120 /2012/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM

BÁO CÁO KIỂM TOÁNVề Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
của Công ty Cổ phần Bê tông Dự ứng lực PVC - FECON**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Bê tông Dự ứng lực PVC - FECON**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính bao gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được lập tại ngày 22/2/2012 của Công ty Cổ phần Bê tông Dự ứng lực PVC - FECON (gọi tắt là "Công ty") từ trang 04 đến trang 23 kèm theo.

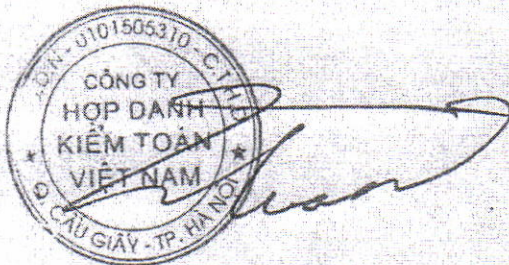
Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Nguyễn Anh Tuấn
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0779/KTV
Thay mặt và đại diện

Đinh Văn Thắng
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1147/KTV

CÔNG TY HỢP DANH KIỂM TOÁN VIỆT NAM (CPA VIETNAM)
Thành viên hãng Kiểm toán Moore Stephens International Limited.
Hà Nội, ngày 22 tháng 2 năm 2012

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG DỰ ỨNG LỰC PVC - FECON
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Mẫu B 01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2011	01/01/2011
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		110.620.079.581	103.581.618.329
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110		19.450.713.973	2.956.394.294
1. Tiền	111	5.1	19.450.713.973	2.956.394.294
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		42.354.443.044	57.282.960.843
1. Phải thu khách hàng	131		38.089.723.679	45.900.991.243
2. Trả trước cho người bán	132		4.257.771.519	11.381.969.600
5 Các khoản phải thu khác	135		6.947.846	-
IV- Hàng tồn kho	140		48.458.420.701	31.926.122.912
1. Hàng tồn kho	141	5.2	48.458.420.701	31.926.122.912
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		356.501.863	11.416.140.280
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.3	356.501.863	375.187.509
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	11.040.952.771
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		220.722.360.049	186.875.715.181
II Tài sản cố định	220		216.365.162.054	184.628.756.102
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.4	208.036.576.164	83.834.640.109
- Nguyên giá	222		263.940.391.095	111.331.742.656
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(55.903.814.931)	(27.497.102.547)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.5	8.090.625.890	8.184.602.132
- Nguyên giá	228		8.535.126.109	8.445.126.109
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(444.500.219)	(260.523.977)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	5.6	237.960.000	92.609.513.861
V. Tài sản dài hạn khác	260		4.357.197.995	2.246.959.079
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7	4.357.197.995	2.246.959.079
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		331.342.439.630	290.457.333.510

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG DỰ ỨNG LỰC PVC - FECON
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Mẫu B 01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2011	01/01/2011
			VND	VND
A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		180.806.418.896	137.937.570.470
I- Nợ ngắn hạn	310		72.733.342.263	72.049.307.510
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.8	48.219.394.000	27.170.190.215
2. Phải trả người bán	312		10.163.361.553	37.383.447.357
3. Người mua trả tiền trước	313		-	5.889.689
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.9	1.010.113.843	5.744.251.872
5. Phải trả người lao động	315		-	95.251.800
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.10	15.005.392.671	1.553.463.729
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	321		(1.664.919.804)	96.812.848
II- Nợ dài hạn	330		108.073.076.633	65.888.262.960
4. Vay và nợ dài hạn	334	5.11	108.073.076.633	65.888.262.960
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		150.536.020.734	152.519.763.040
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.12	150.536.020.734	152.519.763.040
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		150.000.000.000	150.000.000.000
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(4.671.523.191)	(340.698.311)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		334.832.847	334.832.847
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		167.416.424	167.416.424
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		4.705.294.654	2.358.212.080
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400 + 430)	440		331.342.439.630	290.457.333.510

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	TM	31/12/2011	01/01/2011
		VND	VND
5. Ngoại tệ các loại		884,45 USD	675,87 USD

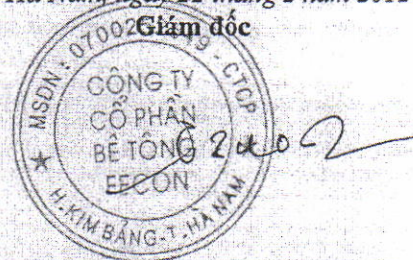
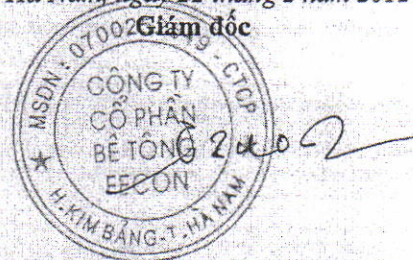
Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hà Nam, ngày 22 tháng 2 năm 2012





Giám đốc



Ngô Thị Thanh

Nguyễn Thị Yên

Hà Thế Phương

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG DỰ ỨNG LỰC PVC - FECON
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Mẫu B 02-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

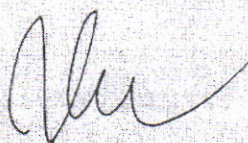
Kỳ hoạt động
 từ 05/5/2010
 đến 31/12/2010

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2011	
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.13	234.190.289.892	84.930.135.756
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.13	671.531.870	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	5.13	233.518.758.022	84.930.135.756
4. Giá vốn hàng bán	11	5.14	168.279.969.275	68.226.763.216
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		65.238.788.747	16.703.372.540
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.15	147.453.318	1.056.984.616
7. Chi phí tài chính	22	5.15	20.806.802.156	4.589.940.118
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23	5.15	19.191.710.257	3.430.476.067
8. Chi phí bán hàng	24	5.16	14.467.573.904	4.034.699.085
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.17	9.709.006.495	5.165.501.676
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		20.402.859.510	3.970.216.277
11. Thu nhập khác	31	5.18	5.640.501	-
12. Chi phí khác	32	5.18	59.536.655	117.783.400
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		(53.896.154)	(117.783.400)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)	50		20.348.963.356	3.852.432.877
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.19	2.673.579.444	548.135.678
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		17.675.383.912	3.304.297.199
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.20	1.178	379

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hà Nam, ngày 22 tháng 2 năm 2012


Ngô Thị Thanh

Nguyễn Thị Yên

Hà Thế Phương

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG DỰ ỨNG LỰC PVC - FECON
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Mẫu B 03-DN

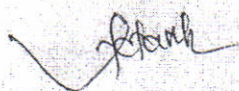
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 (theo phương pháp gián tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

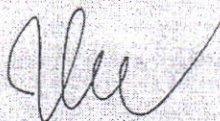
CHỈ TIÊU	MS	TM	Kỳ hoạt động từ 05/5/2010 đến 31/12/2010	
			Năm 2011 VND	VND
	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		20.348.963.356	3.852.432.877
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định	02		28.961.346.958	9.808.820.241
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		894.784.674	(597.774.151)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(147.453.318)	(216.471.936)
- Chi phí lãi vay	06		19.191.710.257	3.430.476.067
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		69.249.351.927	16.277.483.098
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		25.993.291.155	(68.342.511.679)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(16.532.297.789)	(31.926.122.912)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, Thuế TNDN phải nộp)	11		(29.678.004.319)	40.745.274.860
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(2.091.553.270)	(2.622.146.588)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(19.191.710.257)	(3.306.108.264)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(6.599.011.505)	(862.144.531)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(2.135.826.290)	(347.023.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		19.014.239.652	(50.383.299.016)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(60.344.354.702)	(99.935.231.801)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		147.453.318	216.471.936
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(60.196.901.384)	(99.718.759.865)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	60.000.000.000
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		133.759.891.351	107.261.957.320
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(76.082.909.940)	(14.203.504.145)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		57.676.981.411	153.058.453.175
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		16.494.319.679	2.956.394.294
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		2.956.394.294	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		19.450.713.973	2.956.394.294

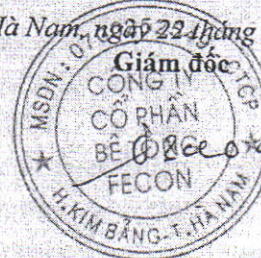
Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hà Nam, ngày 22 tháng 2 năm 2012







Ngô Thị Thanh

Nguyễn Thị Yên

Hà Thế Phương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bê tông Dự ứng lực PVC - FECON (gọi tắt là "Công ty") được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0604.000018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam cấp lần đầu ngày 03 tháng 9 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 05 tháng 5 năm 2010 với mã doanh nghiệp số 0700252549 về việc thay đổi hình thức hoạt động từ Công ty TNHH sang công ty Cổ phần, danh sách cổ đông sáng lập và tăng vốn điều lệ, đăng ký thay đổi lần 2 ngày 11/01/2012 về việc thay đổi tên Công ty chuyển thành Công ty Cổ phần Bê tông FECON.

Địa chỉ đăng ký: Cụm Công nghiệp Thi Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

Số lao động bình quân: 320 lao động

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Thi công xây dựng: Nền móng và công trình ngầm phục vụ xây nhà cao tầng, công trình công nghiệp, công trình giao thông, công trình thủy lợi, công trình hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp và đô thị; Thí nghiệm khả năng chịu tải nền móng công trình bằng phương pháp nén tải trọng tĩnh và thí nghiệm tải trọng động biến dạng lớn; Khảo sát địa chất công trình, khảo sát địa hình, khảo sát địa chất thủy văn công trình; Thực hiện các thí nghiệm địa kỹ thuật phục vụ khảo sát thiết kế, quản lý chất lượng và quan trắc trong thi công nền móng và công trình ngầm (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình); Sản xuất và buôn bán các loại cấu kiện bê tông cốt thép, thép, phục vụ xây dựng nền móng và công trình ngầm; Sản xuất và buôn bán vật liệu xây dựng; Buôn bán: Vật tư, vật liệu, thiết bị công nghệ thuộc hai lĩnh vực xây dựng và công nghiệp./.

Hoạt động chính của Công ty trong năm: Sản xuất buôn bán các loại cấu kiện bê tông, cốt thép phục vụ cho xây dựng nền móng công trình ngầm.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ và Chuẩn mực kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 Hướng dẫn sửa đổi bổ sung chế độ kế toán Doanh nghiệp và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán đã được ban hành và có hiệu lực có liên quan đến việc soạn lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

Không có Chuẩn mực kế toán mới nào lần đầu tiên áp dụng trong năm tài chính 2011.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng Thông tư số 201/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009 hướng dẫn xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái như sau:

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền hoặc tương đương tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài sản và công nợ ngắn hạn (1 năm trở xuống) có gốc ngoại tệ được phân vào tài khoản Chênh lệch tỷ giá trên Bảng Cân đối kế toán và sẽ được ghi ngược lại vào năm sau.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các tài sản dưới dạng ngoại tệ và công nợ ngắn hạn bằng ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại ngày 31/12 hàng năm. Năm 2010, 2011 Công ty xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn thông tư 201/2009/TT-BTC ngày 15/10/2009. Nếu xử lý chênh lệch theo hướng dẫn của VAS 10 thì kết quả kinh doanh năm 2010 và năm 2011 của Công ty giảm lãi lần lượt là 340.698.311 đồng và 4.671.523.191 đồng.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự. Các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác được phân ánh theo giá trị ghi nhận ban đầu trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Thời gian khấu hao (Năm)
Nhà xưởng, vật kiến trúc	10 - 20
Máy móc, thiết bị	05 - 15
Phương tiện vận tải	10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	09-10
Tài sản cố định hữu hình khác	03-10

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình bao gồm Quyền sử dụng đất 49 năm ở Cụm công nghiệp Thi Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam và Phần mềm máy vi tính.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn của Công ty bao gồm: Chi phí thành lập doanh nghiệp và chi phí công cụ dụng cụ.

Chi phí trả trước dài hạn liên quan đến công cụ và dụng cụ được phân ánh ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian 2 đến 3 năm

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.



4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 06121000.040 ngày 09/11/2007; Giấy chứng nhận thay đổi lần thứ nhất ngày 24/11/2009 và văn bản số 384/VPUB-DN&XTĐT ngày 15/07/2008 về việc phúc đáp văn bản ngày 08/07/2008 của Công ty Cổ phần Bê tông Dự ứng lực PVC - FECON thì Công ty được ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo điều 34, 35 Nghị định số 24/2007/NĐ-CP ngày 14/02/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp. Theo đó,

Công ty được miễn thuế 02 năm, kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 02 năm tiếp. Năm 2011 là năm thứ hai Công ty được giảm thuế TNDN.

Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Tiền mặt	7.913.959.792	113.251.784
Tiền gửi ngân hàng	11.536.754.181	2.843.142.510
Tổng	19.450.713.973	2.956.394.294

5.2. Hàng tồn kho

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	27.664.635.051	21.100.449.657
Công cụ, dụng cụ	2.224.015.479	387.394.700
Thành phẩm	18.170.572.142	10.288.399.454
Hàng hoá	399.198.029	149.879.101
Tổng	48.458.420.701	31.926.122.912

5.3. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Năm 2011	Kỳ hoạt động từ 05/5/2010 đến 31/12/2010
	VND	VND
Tại ngày đầu kỳ	375.187.509	-
Tăng	1.765.091.821	1.138.902.665
Phân bổ vào chi phí trong năm	1.783.777.467	763.715.156
Tại ngày cuối kỳ	356.501.863	375.187.509
	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Công cụ, dụng cụ, thiết bị	356.501.863	375.187.509
Tổng	356.501.863	375.187.509

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG DỰ ỨNG LỰC PVC - FECON
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÃUB 09-DN

5.4. Tài sản cố định hữu hình

NGUYÊN GIÁ	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý		TSCĐ hữu hình khác	Tổng
Số dư tại 01/01/2011	21.792.785.600	68.952.307.950	19.706.131.874	115.635.000		764.882.232	111.331.742.656
Tăng trong năm	53.750.678.320	70.595.008.228	27.835.860.138	83.827.274		360.534.603	152.625.908.563
Mua trong năm	-	4.785.586.793	1.362.072.155	83.827.274		74.337.500	6.305.823.722
Đầu tư XDCB hoàn thành	53.750.678.320	65.809.421.435	26.473.787.983	-		286.197.103	146.320.084.841
Giảm trong năm	-	17.260.124	-	-		-	17.260.124
Giảm do xuất toán	-	17.260.124	-	-		-	17.260.124
Số dư tại 31/12/2011	75.543.463.920	139.530.056.054	47.541.992.012	199.462.274		1.125.416.835	263.940.391.095
GIÁ TRỊ HAO MÓN LŨY KẾ							
Số dư tại 01/01/2011	3.362.695.542	21.984.397.381	2.036.777.618	13.016.168		100.215.838	27.497.102.547
Tăng trong năm	5.270.944.368	18.479.434.627	4.840.371.430	40.656.535		145.455.026	28.776.861.986
Khấu hao trong năm	5.270.944.368	18.479.434.627	4.840.371.430	40.656.535		145.455.026	28.776.861.986
Giảm trong năm	-	313.386.904	56.762.698	-		-	370.149.602
Điều chỉnh theo Biên bản thanh tra thuế	-	313.386.904	56.762.698	-		-	370.149.602
Số dư tại 31/12/2011	8.633.639.910	40.150.445.104	6.820.386.350	53.672.703		245.670.864	55.903.814.931
GIÁ TRỊ CÒN LẠI							
Tại 01/01/2011	18.430.090.058	46.967.910.569	17.669.354.256	102.618.832		664.666.394	83.834.640.109
Tại 31/12/2011	66.909.824.010	99.379.610.950	40.721.605.662	145.789.571		879.745.971	208.036.576.164
Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng để chấp, cầm cố các khoản vay:							207.011.040.622

153
 GT
 DAK
 TQ
 N
 11/12/2011

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG DỰ ỨNG LỰC PVC - FECON
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

5.5. Tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Tổng
NGUYÊN GIÁ			
Số dư tại 01/01/2011	8.380.730.109	64.396.000	8.445.126.109
Tăng trong năm	-	90.000.000	90.000.000
Mua trong năm	-	90.000.000	90.000.000
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư tại 31/12/2011	<u>8.380.730.109</u>	<u>154.396.000</u>	<u>8.535.126.109</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư tại 01/01/2011	249.808.418	10.715.559	260.523.977
Tăng trong năm	174.450.288	10.034.684	184.484.972
Khấu hao trong năm	174.450.288	10.034.684	184.484.972
Giảm trong năm	508.730	-	508.730
Điều chỉnh theo Biên bản thanh tra thuế	508.730	-	508.730
Giảm khác	-	-	-
Số dư tại 31/12/2011	<u>423.749.976</u>	<u>20.750.243</u>	<u>444.500.219</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại 01/01/2011	<u>8.130.921.691</u>	<u>53.680.441</u>	<u>8.184.602.132</u>
Tại 31/12/2011	<u>7.956.980.133</u>	<u>133.645.757</u>	<u>8.090.625.890</u>

5.6. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Kỳ hoạt động từ 05/5/2010 đến 31/12/2010	
	Năm 2011 VND	VND
Tại ngày đầu kỳ	92.609.513.861	-
Tăng	54.573.682.535	104.371.562.127
Giảm	146.945.236.396	11.762.048.266
- <i>Kết chuyển tài sản cố định</i>	<i>146.320.084.841</i>	<i>11.762.048.266</i>
- <i>Chuyển sang Công cụ dụng cụ</i>	<i>237.937.413</i>	-
- <i>Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn</i>	<i>387.214.142</i>	-
Tại ngày cuối kỳ	<u>237.960.000</u>	<u>92.609.513.861</u>
	<u>31/12/2011</u>	<u>01/01/2011</u>
	VND	VND
CP xây dựng Dự án Dây truyền sản xuất số II	-	92.609.513.861
Sửa chữa lò hơi dây chuyền I	63.010.000	-
Hệ thống con lăn	161.700.000	-
Bích độc khuôn D350	13.250.000	-
Tổng	<u>237.960.000</u>	<u>92.609.513.861</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG DỰ ỨNG LỰC PVC - FECON
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

5.7. Chi phí trả trước dài hạn

	Kỳ hoạt động từ 05/5/2010 đến 31/12/2010	
	Năm 2011 VND	VND
Tại ngày đầu kỳ	2.246.959.079	-
Tăng	4.695.349.801	3.504.363.968
Phân bổ vào chi phí trong năm	2.585.110.885	1.257.404.889
Tại ngày cuối kỳ	4.357.197.995	2.246.959.079
	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Chi phí thành lập doanh nghiệp	5.474.757	84.793.321
Chi phí Nghiên cứu	-	23.764.000
Chi phí công cụ dụng cụ, quảng cáo	4.351.723.238	2.138.401.758
Tổng	4.357.197.995	2.246.959.079

5.8. Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Vay ngắn hạn Ngân hàng		
- Ngân hàng BIDV- CN Hà Nam	12.016.767.154	5.890.782.239
- Ngân hàng VCB - CN Hoàn Kiếm	13.285.076.580	5.390.399.613
Công ty CP Kỹ thuật nền móng và Công trình Ngầm Fecon	6.000.000.000	7.384.367.803
Nợ dài hạn đến hạn trả	16.917.550.266	8.504.640.560
Tổng	48.219.394.000	27.170.190.215

- Hợp đồng số 00482/2011/000 tháng 6/2011 giữa Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Nam và Công ty; Lãi suất: 23%/năm; Mục đích: Phục vụ sản xuất kinh doanh;

- Hợp đồng tín dụng số HKI-HĐCTD/11004 ngày 24/1/2011 giữa Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam với Công ty; Hạn mức tín dụng 35 tỷ; Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động; Lãi suất: 16,5%/năm (VND); 7,2%/năm (USD).

5.9. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Thuế giá trị gia tăng	854.719.708	1.606.802.953
Thuế xuất, nhập khẩu	39.309.617	97.557.181
Thuế thu nhập doanh nghiệp	111.597.526	4.037.029.587
Thuế thu nhập cá nhân	4.486.992	2.862.151
Tổng	1.010.113.843	5.744.251.872

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG DỰ ỨNG LỰC PVC - FECON
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

5.10. Các khoản phải nộp, phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	-	7.802.484
Bảo hiểm y tế	5.392.671	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	15.000.000.000	1.545.661.245
<i>Phải trả tiền cổ tức</i>	<i>15.000.000.000</i>	<i>-</i>
Tổng	15.005.392.671	1.553.463.729

5.11. Vay và nợ dài hạn

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Vay dài hạn Ngân hàng VND		
- Ngân hàng BIDV- CN Đông Đô	16.549.458.850	22.316.876.364
- Ngân hàng VCB - CN Hoàn Kiếm	91.523.617.783	43.571.386.596
Tổng	108.073.076.633	65.888.262.960

- Hợp đồng tín dụng số 10096/HĐTĐ/VCB-PVC-FECON giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam; Hạn mức tín dụng 130 tỷ; Lãi suất: Bằng lãi suất huy động tiết kiệm cá nhân kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau do Ngân hàng TMCP Ngoại thương CN Hoàn Kiếm công bố cộng lãi suất biên 3,6%/năm (VND); Đối với vay gốc ngoại tệ bằng lãi suất huy động tiết kiệm cá nhân kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau do Ngân hàng TMCP Ngoại thương CN Hoàn Kiếm công bố cộng lãi suất biên 2,8%/năm (USD); Mục đích: Phục vụ sản xuất kinh doanh và đầu tư dự án dây truyền sản xuất 2; Tài sản thế chấp: Tài sản hình thành từ vốn vay.

- Hợp đồng tín dụng số 01.1824665.08/HĐTĐ ngày 16/2/2008 giữa Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đông đô với Công ty; Hạn mức tín dụng 50 tỷ; Lãi suất: Lãi suất 6 tháng đầu kể từ giải ngân 13,6%/năm (VND); 7,4%/năm (USD); Lãi suất sau 6 tháng theo quy định từng thời điểm của ngân hàng cộng phí ngân hàng 1%/năm (USD); Lãi suất VND bằng tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng cộng 4%/năm.; Mục đích: Phục vụ sản xuất kinh doanh và xây dựng dây truyền I; Tài sản thế chấp: Quyền sử dụng đất và tài sản hình thành vốn vay.

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.12. **Vốn chủ sở hữu**
a. **Biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 5/5/2010	82.500.000.000	-	-	-	-	82.500.000.000
Tăng trong kỳ	67.500.000.000	-	334.832.847	167.416.424	3.304.297.199	71.306.546.470
Tăng vốn	67.500.000.000	-	-	-	-	67.500.000.000
Phân phối lợi nhuận	-	-	334.832.847	167.416.424	-	502.249.271
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	3.304.297.199	3.304.297.199
Giảm trong kỳ	-	340.698.311	-	-	946.085.119	1.286.783.430
Các khoản chi từ lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	837.082.119	837.082.119
Thù lao hội đồng quản trị	-	-	-	-	108.500.000	108.500.000
Giảm khác	-	-	-	-	503.000	503.000
Đánh giá lại tỷ giá	-	340.698.311	-	-	-	340.698.311
Số dư tại 31/12/2010	150.000.000.000	(340.698.311)	334.832.847	167.416.424	2.358.212.080	152.519.763.040
Số dư tại 01/01/2011	150.000.000.000	(340.698.311)	334.832.847	167.416.424	2.358.212.080	152.519.763.040
Tăng trong năm	-	340.698.311	-	-	18.046.042.244	18.386.740.555
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	17.675.383.912	17.675.383.912
Điều chỉnh thanh tra thuế	-	-	-	-	370.658.332	370.658.332
Đánh giá lại tỷ giá	-	340.698.311	-	-	-	340.698.311
Giảm trong năm	-	4.671.523.191	-	-	15.698.959.670	20.370.482.861
Trả cổ tức	-	-	-	-	15.000.000.000	15.000.000.000
Các khoản chi từ lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	461.871.670	461.871.670
Thù lao hội đồng quản trị	-	-	-	-	237.088.000	237.088.000
Đánh giá lại tỷ giá	-	4.671.523.191	-	-	-	4.671.523.191
Số dư tại 31/12/2011	150.000.000.000	(4.671.523.191)	334.832.847	167.416.424	4.705.294.654	150.536.020.734

10/ 10/2011

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG DỰ ỨNG LỰC PVC - FECON
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

5.12 · Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

b. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2011 VND	Kỳ hoạt động từ 05/5/2010 đến 31/12/2010
		VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại ngày đầu kỳ	150.000.000.000	150.000.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp tại ngày cuối kỳ	150.000.000.000	150.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	15.000.000.000	-

c. Cổ phiếu

	Năm 2011 Cổ phiếu	Kỳ hoạt động từ 05/5/2010 đến 31/12/2010
		Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đã bán	15.000.000	15.000.000
Cổ phiếu phổ thông	15.000.000	15.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	15.000.000	15.000.000
Cổ phiếu phổ thông	15.000.000	15.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phiếu

d. Các quỹ của doanh nghiệp

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Các quỹ của doanh nghiệp:		
Quỹ đầu tư phát triển	334.832.847	334.832.847
Quỹ dự phòng tài chính	167.416.424	167.416.424

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG DỰ ỨNG LỰC PVC - FECON
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

5.13. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2011 VND	Kỳ hoạt động từ 05/5/2010 đến 31/12/2010 VND
Doanh thu của bán thành phẩm	229.831.954.449	84.295.742.756
Doanh thu của bán vật tư	46.621.818	
Doanh thu xây dựng	2.588.726.080	
Doanh thu dịch vụ	1.722.987.545	634.393.000
Tổng	234.190.289.892	84.930.135.756
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Các khoản giảm trừ khi có quyết toán	671.531.870	-
Doanh thu thuần	233.518.758.022	84.930.135.756

5.14. Giá vốn hàng bán

	Năm 2011 VND	Kỳ hoạt động từ 05/5/2010 đến 31/12/2010 VND
Giá vốn của bán thành phẩm	165.496.827.728	68.226.763.216
Giá vốn của bán vật tư	45.392.297	-
Giá vốn xây dựng	2.399.745.171	-
Giá vốn dịch vụ	338.004.079	-
Tổng	168.279.969.275	68.226.763.216

5.15. Doanh thu hoạt động tài chính/Chi phí tài chính

	Năm 2011 VND	Kỳ hoạt động từ 05/5/2010 đến 31/12/2010 VND
Doanh thu hoạt động tài chính		
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	147.453.318	216.471.936
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	268.576
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	840.244.104
Tổng	147.453.318	1.056.984.616
Chi phí tài chính		
Lãi tiền vay	19.191.710.257	3.430.476.067
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	720.307.225	916.994.098
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	894.784.674	242.469.953
Tổng	20.806.802.156	4.589.940.118
Doanh thu tài chính thuần	(20.659.348.838)	(3.532.955.502)

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG DỰ ỨNG LỰC PVC - FECON
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

5.16. Chi phí bán hàng

	Kỳ hoạt động từ 05/5/2010 đến 31/12/2010	
	Năm 2011 VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	460.800.000	-
Chi phí vật liệu quản lý	1.989.683.260	-
Chi phí đồ dùng văn phòng	16.414.369	-
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.857.945.132	143.579.895
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.992.162.155	3.836.227.903
Chi phí bằng tiền khác	1.150.568.988	54.891.287
Tổng	14.467.573.904	4.034.699.085

5.17. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ hoạt động từ 05/5/2010 đến 31/12/2010	
	Năm 2011 VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	3.776.379.507	2.152.985.293
Chi phí vật liệu quản lý	34.842.522	74.662.002
Chi phí đồ dùng văn phòng	519.881.116	166.265.435
Chi phí khấu hao TSCĐ	547.766.218	295.096.283
Thuế, phí, lệ phí	470.094.545	43.155.728
Chi phí dịch vụ mua ngoài	463.408.995	767.409.723
Chi phí bằng tiền khác	3.896.633.592	1.665.927.212
Tổng	9.709.006.495	5.165.501.676

5.18. Thu nhập khác, chi phí khác

	Kỳ hoạt động từ 05/5/2010 đến 31/12/2010	
	Năm 2011 VND	VND
Thu nhập khác		
Xử lý công nợ	5.640.501	-
Tổng	5.640.501	-
Chi phí khác		
Thuế GTGT không được khấu trừ theo BB thanh tra thuế	52.798.038	-
Giá trị còn lại của tài sản	-	133.778.816
Điều chỉnh chênh lệch thành phẩm	-	(15.995.724)
Xử lý công nợ	6.738.617	308
Tổng	59.536.655	117.783.400
Thu nhập khác thuần	(53.896.154)	(117.783.400)

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG DỰ ỨNG LỰC PVC - FECON
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

5.19. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2011 VND	Kỳ hoạt động từ 05/5/2010 đến 31/12/2010 VND
Doanh thu từ hoạt động dịch vụ	4.358.335.443	634.393.000
Chi phí phân bổ cho hoạt động dịch vụ	3.632.909.038	101.740.456
Lợi nhuận chịu thuế TNDN hoạt động dịch vụ	725.426.405	532.652.544
Lợi nhuận trước thuế từ hoạt động sản xuất - miễn giảm thuế	19.623.536.951	3.319.780.333
Điều chỉnh tăng	314.245.788	-
- Chi phí lãi vay vượt 150% LS NHNN Việt Nam công bố	139.085.635	-
- Chi phí khấu hao	122.362.115	-
- Chi phí phạt thuế	52.798.038	-
Điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận chịu thuế từ hoạt động sản xuất - miễn giảm thuế	19.937.782.739	3.319.780.333
Thuế suất áp dụng	25%	25%
Chi phí thuế thu nhập hiện hành	5.165.802.286	963.108.219
Thuế TNDN được giảm	2.492.222.842	414.972.542
Tổng	2.673.579.444	548.135.678

5.20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2011 VND	Kỳ hoạt động từ 05/5/2010 đến 31/12/2010 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	17.675.383.912	3.304.297.199
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	17.675.383.912	3.304.297.199
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	15.000.000	8.724.678
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	1.178	379



CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG DỰ ỨNG LỰC PVC - FECON
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

5.21. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2011 VND	Kỳ hoạt động từ 05/5/2010 đến 31/12/2010 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	136.975.564.376	50.070.368.932
Chi phí nhân công	17.297.800.287	7.830.521.074
Chi phí khấu hao tài sản cố định	28.961.346.958	9.808.820.241
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.418.069.743	5.232.640.443
Chi phí khác bằng tiền	5.986.505.258	2.503.365.813
Tổng	200.639.286.622	75.445.716.503

6. THÔNG TIN KHÁC

6.1 Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Ngày 12/01/2012 Công ty thay đổi đăng ký doanh nghiệp về việc thay đổi tên Công ty chuyển thành Công ty Cổ phần Bê tông FECON.

6.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Giao dịch với các nhân sự chủ chốt và cổ đông

Bên liên quan	Bản chất giao dịch	Năm 2011 VND	Kỳ hoạt động từ 05/5/2010 đến 31/12/2010 VND
Hội đồng Quản trị và Ban điều hành	Lương và các khoản phụ cấp	747.055.833	290.376.000
Tổng		747.055.833	290.376.000

Số dư với các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Phải thu		31.497.477.407	23.410.234.550
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng Công trình ngầm Fecon	Công ty mẹ	31.497.477.407	23.410.234.550
Trả trước cho người bán		2.041.666.364	-
Công ty TNHH Đầu tư Fecon	Cùng tập đoàn	2.041.666.364	-

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG DỰ ỨNG LỰC PVC - FECON
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

6.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)

Giao dịch với các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	Kỳ hoạt động từ 05/5/2010 đến 31/12/2010	
		Năm 2011 VND	VND
Các giao dịch mua hàng			
Công ty TNHH Đầu tư Fecon	Cùng tập đoàn	458.333.636	-
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng Công trình ngầm Fecon	Công ty mẹ	-	-
- Dịch vụ thi công/mua hàng hóa		16.589.480.653	12.666.803.528
- Cung cấp dịch vụ - Cho thuê xe ô tô		394.909.088	438.349.636
- Cung cấp dịch vụ - Cho thuê văn phòng		149.347.760	-
- Mua tài sản cố định		168.394.231	-
Tổng		17.760.465.368	13.105.153.164
Các giao dịch bán hàng			
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng Công trình ngầm Fecon			
+ Bán thành phẩm	Công ty mẹ	213.862.479.669	45.670.208.886
Tổng		213.862.479.669	45.670.208.886

6.3 Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Công ty đã được kiểm toán.

Người lập biểu



Ngô Thị Thanh

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Yên

Hà Nam, ngày 22 tháng 2 năm 2012

Giám đốc



Hà Thế Phương

CHỨNG THỰC BẢM SAO ĐÚNG VỚI BẢM CHÍNH
 Ngày 11-03-2013
 Số chứng thực: 219.....
 Quyển số: 01..... SCT/BS



ĐINH VĂN ĐƯƠNG
 KỶ CHỦ TỊCH
 PHÓ CHỦ TỊCH